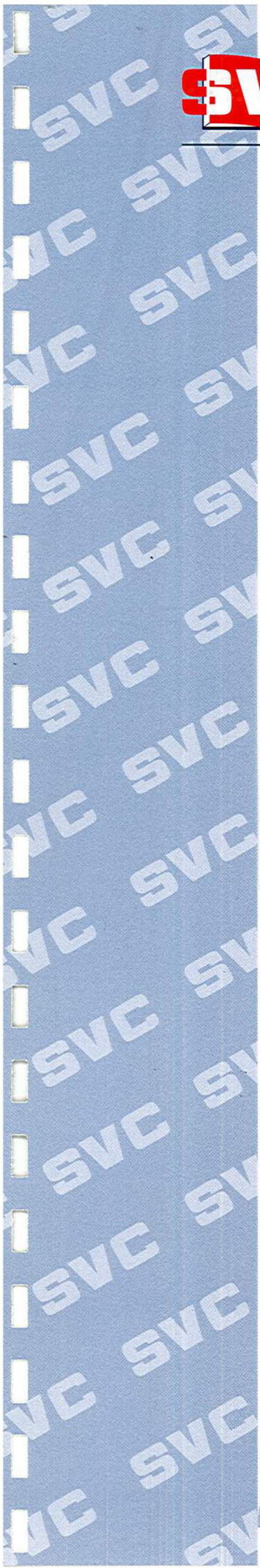




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited



SVC SVC SVC SVC SVC S
SVC SVC SVC SVC SVC SVC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 37

ẤN
H
N
T
A
W

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Phà An Giang cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phà An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/4/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 167.520.000.000 VND, tương đương 16.752.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2023 là 167.520.000.000 VND.

2. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 – 2 đường Lý Thái Tổ, khóm Phó Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù đặt tại ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang đặt tại số 5U, khóm Châu Long 2, đường Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang đặt tại ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu đặt tại đường Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh đặt tại ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang đặt tại số 828, tổ 22, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Cơ khí Giao thông đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Vàm Cống đặt tại đường Chưởng Bình Lễ, khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Trà Ôn đặt tại đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường.

4. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch HĐQT	29/3/2021	
Ông Trần Quốc Long	Thành viên	29/3/2021	
Ông Lê Văn Trinh	Thành viên	29/3/2021	
Ông Trần Văn Thanh Tú	Thành viên	29/3/2021	
Ông Nguyễn Văn Huân	Thành viên	29/3/2021	

5. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Thị Trúc Giang	Trưởng ban	29/3/2021	
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	29/3/2021	
Ông Hồ Hải Luân	Thành viên	29/3/2021	

6. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Quốc Long	Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Lê Văn Trinh	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Nguyễn Văn Huân	Phó Tổng Giám đốc	01/4/2021	
Ông Phan Hữu Hiền	Kế toán trưởng	01/4/2021	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch HĐQT Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Trần Quốc Long, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, và Ông Phạm Châu Hà, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm ký Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

7. *Đánh giá tình hình kinh doanh*

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 37.

8. *Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có*

9. *Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có*

10. *Kiểm toán*

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023 của Công ty.

11. *Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024



PHẠM CHÂU HÀ



Số: 30.23.23/2024/BCKT/SV-CN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ Phần Phà An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 01 năm 2024, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Phà An Giang tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 29 tháng 01 năm 2024

A blue ink signature of Trần Phương Yên.

Trần Phương Yên
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3601-2021-107-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.183.746.339	55.678.376.140
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		12.779.427.411	17.001.363.376
1. Tiền	111	V.1	2.779.427.411	2.001.363.376
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	10.000.000.000	15.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		18.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	18.000.000.000	15.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		13.268.842.335	11.686.846.505
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	112.195.330	106.108.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	301.488.000	702.340.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.934.740.295	10.954.992.295
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(79.581.290)	(76.593.790)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		10.219.641.940	9.579.255.321
1. Hàng tồn kho	141	V.8	10.219.641.940	9.579.255.321
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.915.834.653	2.410.910.938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.393.578.977	1.910.605.178
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.14	522.255.676	500.305.760
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192.204.228.547	204.418.000.578
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		166.585.652.079	149.147.262.596
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	153.775.577.958	136.605.455.641
- Nguyên giá	222		493.195.853.306	448.664.711.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(339.420.275.348)	(312.059.255.662)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12.810.074.121	12.541.806.955
- Nguyên giá	228		12.837.146.955	12.541.806.955
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.072.834)	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		25.618.576.468	54.144.207.204
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	25.618.576.468	54.144.207.204
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	1.126.530.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.126.530.778
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		248.387.974.886	260.096.376.718

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.871.720.224	118.193.993.098
I. Nợ ngắn hạn	310		76.296.143.606	90.331.986.629
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.138.831.140	2.492.209.372
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	715.990.456	490.115.619
4. Phải trả người lao động	314		5.783.033.878	6.118.673.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.049.263.447	1.936.987.683
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.723.139	5.650.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	44.566.266.838	47.219.610.857
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	21.929.988.023	31.178.487.045
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.046.685	890.252.185
II. Nợ dài hạn	330		22.575.576.618	27.862.006.469
3. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	22.187.597.121	27.306.202.121
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	387.979.497	555.804.348
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.516.254.662	141.902.383.620
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	149.516.254.662	141.902.383.620
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		167.520.000.000	167.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.003.745.338)	(25.617.616.380)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(25.617.616.380)	(30.589.275.625)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.613.871.042	4.971.659.245
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		248.387.974.886	260.096.376.718



Nguyễn Kim Thơ
Người lập



Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng



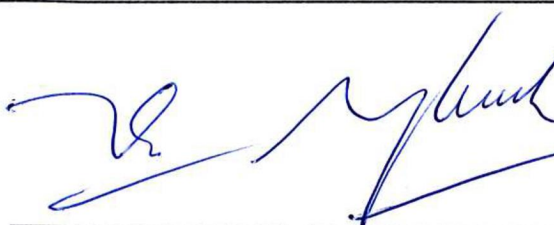
Phạm Châu Hà
Chủ tịch HĐQT

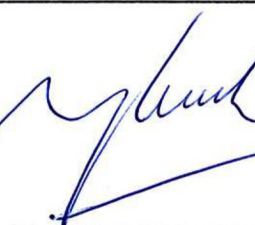
Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		216.247.577.762	211.950.942.231
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	216.247.577.762	211.950.942.231
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	190.163.264.091	192.209.359.323
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	26.084.313.671	19.741.582.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	1.397.705.197	1.098.696.855
7. Chi phí tài chính	22		4.815.169.579	3.805.060.470
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.815.169.579	3.805.060.470
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	16.083.832.612	15.555.405.711
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.583.016.677	1.479.813.582
11. Thu nhập khác	31	VI.4	1.090.629.473	3.749.327.161
12. Chi phí khác	32	VI.5	59.775.108	257.481.498
13. Lợi nhuận khác	40		1.030.854.365	3.491.845.663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.613.871.042	4.971.659.245
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.613.871.042	4.971.659.245
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	455	297


 Nguyễn Kim Thơ
 Người lập


 Phan Hữu Hiền
 Kế toán trưởng


 Phạm Châu Hà
 Chủ tịch HĐQT
 Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc vào ngày 31/12/2023**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

A	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	228.788.222.939	223.810.846.778
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(95.805.115.575)	(152.540.908.525)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(48.284.790.174)	(52.644.713.449)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.081.589.202)	(3.536.322.598)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(688.651.171)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	60.843.869.045	65.377.099.832
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(136.531.860.160)	(77.792.820.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.928.736.873	1.984.530.386
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.539.117.556)	(7.460.044.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.049.718	944.071.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.532.067.838)	(6.515.972.365)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.437.220.187	6.100.754.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.055.825.187)	(4.679.992.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.618.605.000)	1.420.762.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.221.935.965)	(3.110.679.979)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.001.363.376	20.112.043.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.779.427.411	17.001.363.376




Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Châu Hà
Chủ tịch HĐQT

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phà An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang theo Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 167.520.000.000 VND, tương đương 16.752.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 là 167.520.000.000 VND, trong đó:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	16.084.600	160.846.000.000	96,02%
- Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Phà An Giang	10.000	100.000.000	0,06%
- Các cổ đông khác	657.400	6.574.000.000	3,92%
Cộng	16.752.000	167.520.000.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 – 2 đường Lý Thái Tổ, khóm Phó Quế, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù đặt tại ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang đặt tại số 5U, khóm Châu Long 2, đường Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang đặt tại ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu đặt tại đường Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh đặt tại ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang đặt tại số 828, tổ 22, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Cơ khí Giao thông đặt tại số 818/A, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Vàm Cống đặt tại đường Chương Bình Lễ, khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phà An Giang – Xí nghiệp Phà Trà Ôn đặt tại đường Phan Bội Châu, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Thông tin về công ty con và công ty liên kết: không có.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 507 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 466 người.

8. Thông tin so sánh

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN do đơn vị điều chỉnh theo thông báo kết quả kiểm toán số 667/TB-KV IX ngày 19/12/2023 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 20.112.397.267 đồng, điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về thanh toán nợ ngắn hạn vì giá trị các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa chiếm tỷ trọng khá lớn và liên quan đến các công trình đang xây dựng cơ bản dở dang.

4. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty lâu dài nên không trích khấu hao.

9. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

10. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Chi phí tiền lương

Trong năm 2023, Công ty trích quỹ lương theo Biên bản số 04/BB.XĐĐGTL ngày 28/3/2023 của Sở lao động - thương binh và xã hội cho người lao động và người quản lý vào chi phí với số tiền lần lượt là 2.604.000.000 VND và 52.570.000.000 VND.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

13. Vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2023, không phát sinh chi phí lãi vay cần được vốn hoá.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi nhận giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được biểu, tặng, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các khoản chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2023 Công ty đang chuyển lỗ vì thế Công ty không có lợi nhuận để phân phối.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

17. Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	2.230.554.228	1.150.916.689
Tiền gửi ngân hàng	548.873.183	850.446.687
Cộng	2.779.427.411	2.001.363.376

2. Các khoản tương đương tiền

Ngân hàng	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN An Giang	10.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	15.000.000.000

3. Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngân hàng	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	18.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	18.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

Khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đạt Minh	44.383.890	44.383.890	44.383.890	44.383.890
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Giang	29.222.400	29.222.400	29.222.400	29.222.400
- Công ty CP Xe khách Phương Trang Futa Buslines	15.842.040	-	32.501.710	-
- Phà Đồng Tháp	22.747.000	-	-	-
Cộng	112.195.330	73.606.290	106.108.000	73.606.290

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- BQL Dự án ĐTXD và PTĐT tỉnh An Giang	-	-	247.262.000	-
- Các nhà cung cấp khác	301.488.000	5.975.000	455.078.000	2.987.500
Cộng	301.488.000	5.975.000	702.340.000	2.987.500

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	169.675.000	-	154.625.000	-
- Tạm ứng của công nhân viên Công ty	381.000.000	-	308.500.000	-
- Phải thu về cổ phần hóa	10.466.081.295	-	10.381.481.295	-
- Phải thu khác	1.917.984.000	-	110.386.000	-
Cộng	12.934.740.295	-	10.954.992.295	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số phải lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
- Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	79.581.290	100%	79.581.290	79.581.290	-
Cộng	79.581.290		79.581.290	79.581.290	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu kỳ	(76.593.790)	(76.593.790)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.987.500)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(79.581.290)	(76.593.790)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2023	01/01/2023
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	8.955.210.544 (8.1)	8.556.195.408
Công cụ, dụng cụ trong kho	820.117.052 (8.2)	643.122.659
Hàng hóa	444.314.344 (8.3)	379.937.254
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.219.641.940	9.579.255.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	10.219.641.940	9.579.255.321

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

8.1 Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	31/12/2023	01/01/2023
- Nguyên vật liệu chính	5.744.183.591	5.959.546.664
- Nhiên liệu	3.211.026.953	2.596.648.744
Cộng	8.955.210.544	8.556.195.408

8.2 Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

Công cụ, dụng cụ	31/12/2023	01/01/2023
- Vé phà, vé cầu đường	356.550.717	544.104.685
- Công cụ, dụng cụ	161.233.315	99.017.974
- Thẻ nhựa	302.333.020	-
Cộng	820.117.052	643.122.659

8.3 Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

Hàng hóa	31/12/2023	01/01/2023
- Xăng các loại	352.339.059	301.350.474
- Dầu các loại	91.975.285	73.909.138
- Nhớt các loại	-	4.677.642
Cộng	444.314.344	379.937.254

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
- Phí bảo hiểm cháy nổ	-	-
- Phí hòa mạng gói cước Vtracking	42.440.727	32.326.908
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất làm bến tạm	-	-
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.230.407.350	1.752.796.501
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ	111.981.400	117.027.269
- Chi phí trả trước khác	8.749.500	8.454.500
Cộng	1.393.578.977	1.910.605.178

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	91.373.041.613	5.413.354.642	350.546.168.874	1.214.346.174	448.664.711.303
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.646.534.973	433.357.400	40.380.046.311	-	45.459.938.684
Giảm theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	(61.470.907)	-	(22.888.023)	-	(84.358.930)
Thanh lý tài sản	(188.045.483)	(92.000.000)	(564.392.268)	-	(844.437.751)
Số cuối năm	95.770.060.196	5.754.712.042	390.338.934.894	1.214.346.174	493.195.853.306
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	35.553.569.344	3.515.331.362	271.776.008.782	1.214.346.174	312.059.255.662
Khấu hao trong năm	4.149.204.895	547.570.706	23.519.928.949	-	28.216.704.550
Thanh lý, nhượng bán	(201.921.620)	(92.000.000)	(561.763.244)	-	(855.684.864)
Số cuối năm	39.500.852.619	3.970.902.068	294.734.174.487	1.214.346.174	339.420.275.348
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	55.937.272.269	1.898.023.280	78.770.160.092	-	136.605.455.641
Số cuối năm	56.387.007.577	1.783.809.974	95.604.760.407	-	153.775.577.958

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 20.841.773.839 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 261.329.030.979 VND.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.541.806.955	-	12.541.806.955
Mua trong năm	-	295.340.000	295.340.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	12.541.806.955	295.340.000	12.837.146.955
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	27.072.834	27.072.834
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	27.072.834	27.072.834
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.541.806.955	-	12.541.806.955
Số cuối năm	12.541.806.955	-	12.810.074.121

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	31/12/2023	01/01/2023
- Hoán cải phà	3.038.719.668	7.535.361.864
- Bến phà Mương Ranh	16.875.030.186	17.235.891.368
- Bến phà Trà Ôn	-	18.693.349.728
- Bến phà Tân Châu - Hồng Ngự	1.124.187.771	-
- Hoán cải ponton (AG – 09067) – PGV 186	-	3.635.512.559
- Hệ thống cầu dẫn phà Hàm Luông	-	1.761.784.059
- Sửa chữa trên đà phà	3.684.908.470	1.914.894.439
- Các công trình khác	895.730.373	3.367.413.187
Cộng	25.618.576.468	54.144.207.204

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

<i>Người bán</i>	31/12/2023	01/01/2023
- Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang	-	-
- CN Công ty CP Dầu khí Mê Kông tại An Giang	475.730.000	1.040.445.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thép Thiên Long	-	-
- Các nhà cung cấp khác	663.101.140	1.451.764.372
Cộng	1.138.831.140	2.492.209.372

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	484.895.692	11.062.985.085	10.838.340.743	-	709.540.034
- Thuế TNDN	76.291.090	-	-	-	76.291.090	-
- Thuế TNCN	-	5.219.927	223.404.353	222.173.858	-	6.450.422
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	424.014.670	-	1.526.837.444	1.548.787.360	445.964.586	-
Cộng	500.305.760	490.115.619	12.813.226.882	12.609.301.961	522.255.676	715.990.456

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi Cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm 2023 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tài chính 2023 được tính như sau:

	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.613.871.042
- Các khoản điều chỉnh tăng	27.091.368
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	7.640.962.410
Lỗi các năm trước được chuyển	(24.540.519.150)
Lỗi được phép chuyển lỗ đến năm 2026	(16.899.556.740)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của Cơ quan thuế.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
- Kinh phí công đoàn	16.918.254	2.406.043
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	128.501.156	844.333.977
- Bảo hiểm hành khách	48.716.307	48.425.300
- Chi phí bảo hành công trình	110.993.250	2.020.874.000
- Phải trả về cổ phần hóa	43.777.625.131	43.777.625.131
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	483.512.740	525.946.406
Cộng	44.566.266.838	47.219.610.857

16. Vay ngắn hạn và vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.929.988.023	31.178.487.045
Vay ngắn hạn	14.669.996.023	24.418.495.045
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	14.669.996.023 (16.1)	24.418.495.045
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.259.992.000	6.759.992.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	4.840.000.000 (16.2)	4.340.000.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	2.419.992.000 (16.3)	2.419.992.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22.187.597.121	27.306.202.121
Vay dài hạn có kỳ hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo	22.187.597.121	27.306.202.121
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	16.190.899.121 (16.2)	18.889.512.121
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	5.996.698.000 (16.3)	8.416.690.000
Cộng	44.117.585.144	58.484.689.166

16.1 Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với hạn mức vay là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng với tổng giá trị là 25.000.000.000 VND.

16.2 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang gồm 3 hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay số 74/2018-HĐCVDADT/NHCT740- PHA AG ngày 31/01/2019, hạn mức vay là 45.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để đầu tư dự án "Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự, phía bờ Tân Châu, tỉnh An Giang". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án "Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự, phía bờ Tân Châu, tỉnh An Giang" và các phương tiện giao thông vận tải (phà và các ponton), với tổng giá trị là 45.283.000.000 VND.

- Hợp đồng vay số 86/2020-HĐCVDADT/NHCT740- PHA AG ngày 21/9/2020, hạn mức vay là 5.000.000.000 VND, thời hạn vay 180 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để đầu tư dự án "Hoán cải phà D11 (AG – 23254), phà C04 (AG – 21145) và sửa chữa ponton (Btr – 0691)". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án "Hoán cải phà D11 (AG – 23254), phà C04 (AG – 21145) và sửa chữa ponton (Btr – 0691)", phương tiện giao thông vận tải (bến nổi) và quyền sử dụng đất, với tổng giá trị là 22.095.000.000 VND.
- Hợp đồng vay số 108/2021-HĐCVDADT/NHCT740- CTY CP PHA AG ngày 21/10/2021, hạn mức vay là 3.700.000.000 VND, thời hạn vay 54 tháng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay dùng để đầu tư dự án "Đóng mới ponton 200 tấn thuộc bến phà Mương Ranh". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án "Đóng mới ponton 200 tấn thuộc bến phà Mương Ranh" và sửa chữa ponton (Btr – 0691), với tổng giá trị là 5.404.000.000 VND.

16.3 Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 05/11/2020, hạn mức vay là 3.000.000.000 VND, thời hạn vay 75 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Khoản vay dùng để đầu tư dự án "Hoán cải phà C200 (CT – 01740)". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư "Hoán cải phà C200" (số đăng ký: CT – 01740) và tài sản thế chấp khác phà A01 (số đăng ký: AG – 13353).
- Hợp đồng tín dụng số 03/2021/HĐTD-QĐTPT ngày 17/12/2021, hạn mức vay là 16.320.000.000 VND, thời hạn vay 114 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay dùng để đầu tư dự án "Nâng cấp bến phà Trà Ôn". Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án "Nâng cấp bến phà Trà Ôn" và tài sản thế chấp khác là bến nổi (ponton), trọng tải toàn phần 300 tấn (đang được sử dụng ở bến phà Châu Giang – bờ thị xã Tân Châu).

Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm 2023 như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu kỳ	31.178.487.045	30.260.917.736
Số tiền vay phát sinh	55.982.797.537	59.917.063.334
Số tiền vay đã trả	(72.491.288.559)	(65.759.486.025)
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	7.259.992.000	6.759.992.000
Số cuối năm	21.929.988.023	31.178.487.045

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm 2023 như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu kỳ	27.306.202.121	29.145.440.121
Số tiền vay phát sinh	2.437.220.187	6.100.754.000
Số tiền vay đã trả	(295.833.197)	(1.180.000.000)
Số tiền vay dài hạn đến hạn trả đã chuyển sang vay ngắn hạn	7.259.992.000)	(6.759.992.000)
Số cuối năm	22.187.597.121	27.306.202.121

17. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	387.979.497 (17.1)	555.804.348
Cộng	387.979.497	555.804.348

17.1. Đây là khoản Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài Chính.

Tình hình biến động dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu kỳ	555.804.348	423.384.491
Số trích lập bổ sung	-	132.419.857
Số đã sử dụng	167.824.851	-
Số cuối năm	387.979.497	555.804.348

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu năm trước

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	167.520.000.000	(30.589.275.625)	-	136.930.724.375
Lỗ trong năm trước	-	4.971.659.245	-	4.971.659.245
Số dư cuối năm trước	167.520.000.000	(25.617.616.380)	-	141.902.383.620

18.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu năm nay

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	167.520.000.000	(25.617.616.380)	-	141.902.383.620
Lợi nhuận năm nay	-	7.613.871.042	-	7.613.871.042
Số dư cuối năm nay	167.520.000.000	(18.003.745.338)	-	149.516.254.662

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	16.084.600	160.846.000.000	96,02%
- Công đoàn cơ sở Công ty Cổ phần Phà An Giang	10.000	100.000.000	0,06%
- Các cổ đông khác	657.400	6.574.000.000	3,92%
Cộng	16.752.000	167.520.000.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có.
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có.

18.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	167.520.000.000	167.520.000.000
▪ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
▪ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	167.520.000.000	167.520.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

18.5 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

18.6 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.752.000	16.752.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu thường	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu thường	16.752.000	16.752.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1. *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	63.610.045.089	44.550.883.119	19.059.161.970	42,78%
- Bến Trà Ôn	17.259.458.077	14.631.195.345	2.628.262.732	17,96%
- Bến Ô Môn	297.380.794	1.692.196.923	(1.394.816.129)	(82,43)%
- Bến Nặng Gù	22.133.165.796	22.310.931.773	(177.765.977)	(0,80)%
- Bến Châu Giang	43.360.657.355	29.266.013.498	14.094.643.847	48,16%
- Bến phụ Châu Giang	-	14.066.049	(14.066.049)	(100)%
- Bến Tân Châu	6.494.779.755	15.909.098.027	(9.414.318.272)	(59,18)%
- Bến Thuận Giang	22.640.381.690	20.940.762.156	1.699.619.534	8,12%
- Bến Mương Ranh	9.599.510.339	15.192.671.154	(5.593.160.815)	(36,81)%
- Cửa hàng Xăng dầu	26.483.971.518	27.663.241.279	(1.179.269.761)	(4,26)%
- Liên kết đào tạo	71.591.818	38.300.000	33.291.818	(86,92)%
Cộng	211.950.942.231	192.209.359.323	19.741.582.908	10,27%

1.2. *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Bến An Hòa	63.877.563.359	41.785.143.469	22.092.419.890	52,87%
- Bến Trà Ôn	18.578.275.401	19.443.529.738	(865.254.337)	(4,45)%
- Bến Ô Môn	245.556.052	1.123.826.387	(878.270.335)	(78,15)%
- Bến Nặng Gù	21.944.505.069	20.891.829.063	1.052.676.006	5,04%
- Bến Châu Giang	42.461.284.247	28.322.899.248	14.138.384.999	49,66%
- Bến phụ Châu Giang	-	48.931.190	(48.931.190)	(100,00)%
- Bến Vàm Cống	1.958.958.094	2.920.926.424	(961.968.330)	(32,93)%
- Bến Tân Châu	7.049.664.872	13.185.471.099	(6.135.806.227)	(46,53)%
- Bến Thuận Giang	23.175.579.448	19.979.593.810	3.195.985.638	16,00%
- Bến Mương Ranh	10.459.125.252	15.577.158.264	(5.118.033.012)	(32,86)%
- Cửa hàng Xăng dầu	25.361.569.249	26.071.851.683	(710.282.434)	(2,72)%
- Liên kết đào tạo	3.636.364	122.113.294	(118.476.930)	(97,02)%
- Xí nghiệp cơ khí	1.131.860.355	689.990.422	441.869.933	64,04%
Cộng	216.247.577.762	190.163.264.091	26.084.313.671	13,72%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.397.705.197	1.098.696.855
Cộng	1.397.705.197	1.098.696.855

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	9.511.884.632	9.161.817.579
- Chi phí vật liệu quản lý	49.892.495	44.151.718
- Chi phí đồ dùng văn phòng	242.642.496	244.556.243
- Chi phí khấu hao TSCĐ	422.051.295	438.352.515
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	2.987.500	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.109.345.335	3.068.354.170
- Chi phí bằng tiền khác	2.742.028.859	2.595.173.486
Cộng	16.083.832.612	15.555.405.711

4. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
- Lãi thanh lý tài sản cố định	-	191.798.408
+ Thu thanh lý tài sản cố định	-	197.979.798
+ Chi thanh lý tài sản cố định	-	6.181.390
- Thu nhập từ bán phế liệu	-	413.527.335
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	-	926.004.200
- Thu tiền giảm thuế GTGT	849.961.063	2.049.344.964
- Các khoản thu nhập khác	240.668.410	168.652.254
Cộng	1.090.629.473	3.749.327.161

5. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
- Giá vốn của phế liệu thanh lý	-	52.374.762
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	32.683.740	153.817.125
- Chậm nộp thuế	27.091.368	37.289.611
- Chi phí khác	-	14.000.000
Cộng	59.775.108	257.481.498

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.590.153.333	71.357.634.680
- Chi phí nhân công	66.353.925.499	66.589.400.212
- Chi phí khấu hao TSCĐ	27.315.132.332	20.511.660.770
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.949.196.181	14.765.341.505
- Chi phí bằng tiền khác	12.232.839.827	11.995.403.502
Cộng	185.441.247.172	185.219.440.669

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm 2023

7.613.871.042

7.613.871.042

16.752.000

455

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
không có.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Khoản mục

Năm 2023

- Thu nhập của Hội đồng quản trị

475.000.000

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1.900.000.000

- Thu nhập của Ban kiểm soát

353.310.000

Tổng thu nhập

2.728.310.000

2.2. Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm

<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Số tiền</i>
Thuê quyền sử dụng đất	Ông Trần Trung Lập	Người thân	198.000.000
		Tổng giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực vận chuyển phà. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Điều chỉnh hồi tố

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN do đơn vị điều chỉnh theo thông báo kết quả kiểm toán số 667/TB-KV IX ngày 19/12/2023 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX.

Bảng cân đối kế toán

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2022 (Đã kiểm toán)	01/01/2023 (Điều chỉnh lại)	Chênh lệch
136	Phải thu ngắn hạn khác	10.844.606.295	10.954.992.295	110.386.000
141	Hàng tồn kho	9.560.619.037	9.579.255.321	18.636.284
221	Tài sản cố định hữu hình	136.213.374.512	136.605.455.641	392.081.129
222	Nguyên giá	448.299.244.758	448.664.711.303	365.466.545
223	Hao mòn lũy kế	(312.085.870.246)	(312.059.255.662)	(26.614.584)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	53.762.208.021	54.144.207.204	381.999.183
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	480.079.255	490.115.619	10.036.364
421b	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	4.078.593.013	4.971.659.245	893.066.232

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Đã kiểm toán)	Năm 2022 (Điều chỉnh lại)	Chênh lệch
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.006.617.320	211.950.942.231	944.324.911
11	Giá vốn hàng bán	192.158.100.644	192.209.359.323	51.258.679
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	18.848.516.676	19.741.582.908	893.066.232
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	586.747.350	1.479.813.582	893.066.232
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.078.593.013	4.971.659.245	893.066.232
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.078.593.013	4.971.659.245	893.066.232

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Long Xuyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN KIM THƠ

PHAN HỮU HIỀN



PHẠM CHÂU HÀ